

---

**CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY HOÀNG HÀ HẢI PHÒNG**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 đã được kiểm toán bởi

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN NHÂN TÂM VIỆT**

---

## MỤC LỤC

| Nội dung   | Trang          |
|--|----------------|
| Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc  | 2 – 4          |
| Báo cáo kiểm toán độc lập  | 5 – 6          |
| Báo cáo tài chính được kiểm toán   | 07 – 42        |
| <i>Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017</i>  | <i>07 – 10</i> |
| <i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017</i> | <i>11</i>      |
| <i>Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017</i>           | <i>12 – 13</i> |
| <i>Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017</i>    | <i>14 – 42</i> |

# CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY HOÀNG HÀ HẢI PHÒNG

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 đã được kiểm toán.

### Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần giấy Hoàng Hà Hải Phòng hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0201282851 ngày 05 tháng 11 năm 2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp.

Trong quá trình hoạt động Công ty đã 04 lần thay đổi đăng ký kinh doanh. Giấy đăng ký kinh doanh thay đổi lần 04 được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp ngày 21 tháng 11 năm 2017 về việc thay đổi vốn điều lệ.

**Vốn điều lệ theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần thứ 04: 100.000.000.000 VND.**

| <u>Cổ đông</u>         | <u>Vốn góp (VND)</u>   | <u>Tỷ lệ (%)</u> |
|------------------------|------------------------|------------------|
| Ông Trần Kim Gia       | 16.200.000.000         | 16%              |
| Bà Trần Thị Thu Phương | 21.600.000.000         | 22%              |
| Ông Nguyễn Huy Long    | 10.800.000.000         | 11%              |
| Bà Vũ Thị Hằng         | 19.000.000.000         | 19%              |
| Ông Võ Quốc Thắng      | 15.000.000.000         | 15%              |
| Bà Nguyễn Thị Hương    | 12.000.000.000         | 12%              |
| Các cổ đông khác       | 5.400.000.000          | 5%               |
| <b>Cộng</b>            | <b>100.000.000.000</b> | <b>100%</b>      |

### Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : Số 194 đường Kiều Hạ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam  
Điện thoại : 0313 979 952  
Fax : 0313 979 951  
Email : hhpaper@gmail.com  
Mã số thuế : 0 2 0 1 2 8 2 8 5 1

### Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm báo cáo này (từ trang 07 đến trang 42).

### Các sự kiện phát sinh sau ngày khóa sổ kế toán lập Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2017 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.



# **CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY HOÀNG HÀ HẢI PHÒNG**

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)**

## **Hội đồng quản trị và Ban điều hành quản lý**

Thành viên Hội đồng quản trị và Ban Điều hành của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo tài chính này bao gồm:

### **Hội đồng quản trị**

| Họ và tên              | Chức vụ  |                                   |
|------------------------|----------|-----------------------------------|
| Ông Trần Kim Gia       | Chủ Tịch |                                   |
| Bà Trần Thị Thu Phương | Ủy viên  |                                   |
| Ông Nguyễn Trung Thành | Ủy Viên  | Bổ nhiệm ngày 15 tháng 8 năm 2017 |
| Bà Nguyễn Thị Ngân     | Ủy Viên  | Bổ nhiệm ngày 15 tháng 8 năm 2017 |
| Ông Nguyễn Huy Long    | Ủy Viên  | Bổ nhiệm ngày 15 tháng 8 năm 2017 |

### **Ban Tổng Giám đốc**

| Họ và tên              | Chức vụ           |                                   |
|------------------------|-------------------|-----------------------------------|
| Bà Trần Thị Thu Phương | Tổng Giám đốc     |                                   |
| Ông Nguyễn Vinh Quang  | Phó Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 01 tháng 9 năm 2017 |

### **Ban Kiểm soát**

| Họ và tên      | Chức vụ    |                                   |
|----------------|------------|-----------------------------------|
| Đào Thị Ngân   | Trưởng ban | Bổ nhiệm ngày 15 tháng 8 năm 2017 |
| Đình Thị Hồng  | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 15 tháng 8 năm 2017 |
| Bà Đỗ Thị Vươn | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 15 tháng 8 năm 2017 |

### **Kiểm toán viên**

Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

### **Xác nhận của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong từng năm tài chính. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập và trình bày BCTC trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt nam và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày BCTC.
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày BCTC.



**CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY HOÀNG HÀ HẢI PHÒNG**  
**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)**

---

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính được lập tuân thủ các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các qui định có liên quan đến việc lập và trình bày BCTC.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

**Cam kết khác**

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Hải Phòng, ngày 26 tháng 3 năm 2018

**Tổng Giám đốc**



**Trần Thị Thu Phương**

Số : 0201.01.01/2018/BCTC – NVT2  
Ngày : 26 tháng 3 năm 2018

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

### **Về Báo cáo tài chính năm 2017**

Kính gửi : **Các cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc**  
**Công ty Cổ phần giấy Hoàng Hà Hải Phòng**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần giấy Hoàng Hà Hải Phòng, được lập ngày 26 tháng 3 năm 2018 từ trang 07 đến trang 42, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

#### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần giấy Hoàng Hà Hải Phòng chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

#### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, yêu cầu lập kế hoạch và thực hiện để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

#### **Trụ Sở Chính:**

Số 8, phố Cát Linh, Phường Cát Linh, Quận Đống Đa, TP. Hà Nội **5**  
[T] (84-24) 3761 3399 [F] (84-24) 3761 5599 [W] www.ntva.vn [E] vpa@ntva.vn

#### **Chi nhánh tại Hà Nội:**

Số 21 ngõ 80, phố Nhân Hòa, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, TP. Hà Nội

#### **Chi nhánh tại TP. Hồ Chí Minh:**

104 - 106 Trần Lưu, Phường An Phú, Quận 2, TP. Hồ Chí Minh

#### **Chi nhánh tại TP. Hải Phòng:**

K3/125, Tô Hiệu, P. Trại Cau, Q. Lê Chân, TP. Hải Phòng



**Ý kiến của kiểm toán viên**

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính đề cập đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần giấy Hoàng Hà Hải Phòng tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2017 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN NHÂN TÂM VIỆT**

**Phó Tổng Giám đốc**



**Nguyễn Thị Hồng Thanh**

GCNĐKHNKT số: 0053-2018-124-1

**Kiểm toán viên**

**Nguyễn Thị Hạnh**

GCNĐKHNKT số: 1690-2018-124-1



# CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY HOÀNG HÀ HẢI PHÒNG

Địa chỉ: Số 194 đường Kiều Hạ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, TP Hải Phòng

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

### BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

| TÀI SẢN   | Mã số      | Thuyết minh | Số cuối năm           | Số đầu năm            |
|---|------------|-------------|-----------------------|-----------------------|
| <b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>                         | <b>100</b> |             | <b>80.280.162.431</b> | <b>56.704.072.563</b> |
| <b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>        | <b>110</b> | <b>V.1</b>  | <b>1.587.295.596</b>  | <b>1.091.121.862</b>  |
| 1. Tiền   | 111        |             | 1.587.295.596         | 1.091.121.862         |
| 2. Các khoản tương đương tiền                       | 112        |             | -                     | -                     |
| <b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>                | <b>120</b> |             | -                     | -                     |
| 1. Chứng khoán kinh doanh                           | 121        |             | -                     | -                     |
| 2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh         | 122        |             | -                     | -                     |
| 3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn                  | 123        |             | -                     | -                     |
| <b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>             | <b>130</b> |             | <b>47.258.457.367</b> | <b>33.243.164.591</b> |
| 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng                 | 131        | V.2         | 31.596.143.517        | 25.457.316.656        |
| 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn                 | 132        | V.3         | 577.633.000           | 511.127.100           |
| 3. Phải thu nội bộ ngắn hạn                         | 133        |             | -                     | -                     |
| 4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 134        |             | -                     | -                     |
| 5. Phải thu về cho vay ngắn hạn                     | 135        |             | -                     | -                     |
| 6. Phải thu ngắn hạn khác                           | 136        | V.4         | 15.084.680.850        | 7.274.720.835         |
| 7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi               | 137        |             | -                     | -                     |
| 8. Tài sản thiếu chờ xử lý                          | 139        |             | -                     | -                     |
| <b>IV. Hàng tồn kho</b>                             | <b>140</b> |             | <b>31.336.053.738</b> | <b>21.812.096.031</b> |
| 1. Hàng tồn kho                                     | 141        | V.5         | 31.336.053.738        | 21.812.096.031        |
| 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho                   | 149        |             | -                     | -                     |
| <b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>                     | <b>150</b> |             | <b>98.355.730</b>     | <b>557.690.079</b>    |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn                       | 151        | V.6         | 98.355.730            | 557.690.079           |
| 2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ              | 152        |             | -                     | -                     |
| 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước         | 153        |             | -                     | -                     |
| 4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ       | 154        |             | -                     | -                     |
| 5. Tài sản ngắn hạn khác                            | 155        |             | -                     | -                     |

**CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY HOÀNG HÀ HẢI PHÒNG**

Địa chỉ: Số 194 đường Kiều Hạ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, TP Hải Phòng

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

**Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**

| TÀI SẢN   | Mã số      | Thuyết minh | Số cuối năm            | Số đầu năm             |
|---|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| <b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>                      | <b>200</b> |             | <b>116.506.312.435</b> | <b>79.781.159.240</b>  |
| <b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>            | <b>210</b> |             | <b>28.527.000.000</b>  | <b>8.527.000.000</b>   |
| 1. Phải thu dài hạn của khách hàng              | 211        |             | -                      | -                      |
| 2. Trả trước cho người bán dài hạn              | 212        |             | -                      | -                      |
| 3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc           | 213        |             | -                      | -                      |
| 4. Phải thu nội bộ dài hạn                      | 214        |             | -                      | -                      |
| 5. Phải thu về cho vay dài hạn                  | 215        |             | -                      | -                      |
| 6. Phải thu dài hạn khác                        | 216        | V.7         | 28.527.000.000         | 8.527.000.000          |
| 7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi            | 219        |             | -                      | -                      |
| <b>II. Tài sản cố định</b>                      | <b>220</b> |             | <b>63.979.312.435</b>  | <b>71.254.159.240</b>  |
| 1. Tài sản cố định hữu hình                     | 221        | V.8         | 63.644.085.160         | 70.850.750.149         |
| <i>Nguyên giá</i>                               | 222        |             | 89.053.915.472         | 88.544.142.745         |
| <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>                   | 223        |             | (25.409.830.312)       | (17.693.392.596)       |
| 2. Tài sản cố định thuê tài chính               | 224        | V.9         | 335.227.275            | 403.409.091            |
| <i>Nguyên giá</i>                               | 225        |             | 409.090.909            | 409.090.909            |
| <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>                   | 226        |             | (73.863.634)           | (5.681.818)            |
| 3. Tài sản cố định vô hình                      | 227        |             | -                      | -                      |
| <i>Nguyên giá</i>                               | 228        |             | -                      | -                      |
| <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>                   | 229        |             | -                      | -                      |
| <b>III. Bất động sản đầu tư</b>                 | <b>230</b> |             | -                      | -                      |
| <i>Nguyên giá</i>                               | 231        |             | -                      | -                      |
| <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>                   | 232        |             | -                      | -                      |
| <b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>              | <b>240</b> |             | -                      | -                      |
| 1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn | 241        |             | -                      | -                      |
| 2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang              | 242        |             | -                      | -                      |
| <b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>              | <b>250</b> |             | <b>24.000.000.000</b>  | -                      |
| 1. Đầu tư vào công ty con                       | 251        | V.10        | 24.000.000.000         | -                      |
| 2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết      | 252        |             | -                      | -                      |
| 3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác               | 253        |             | -                      | -                      |
| 4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn            | 254        |             | -                      | -                      |
| 5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn              | 255        |             | -                      | -                      |
| <b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>                 | <b>260</b> |             | -                      | -                      |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn                    | 261        |             | -                      | -                      |
| 2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại               | 262        |             | -                      | -                      |
| 3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn  | 263        |             | -                      | -                      |
| 4. Tài sản dài hạn khác                         | 268        |             | -                      | -                      |
| <b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>                        | <b>270</b> |             | <b>196.786.474.866</b> | <b>136.485.231.803</b> |



**CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY HOÀNG HÀ HẢI PHÒNG**

Địa chỉ: Số 194 đường Kiều Hạ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, TP Hải Phòng

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

**Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**

| NGUỒN VỐN   | Mã số      | Thuyết minh | Số cuối năm           | Số đầu năm             |
|---|------------|-------------|-----------------------|------------------------|
| <b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>                              | <b>300</b> |             | <b>90.370.922.398</b> | <b>105.147.726.690</b> |
| <b>I. Nợ ngắn hạn</b>                               | <b>310</b> |             | <b>75.031.239.399</b> | <b>69.345.972.255</b>  |
| 1. Phải trả người bán ngắn hạn                      | 311        | V.11a       | 16.177.947.239        | 12.751.710.012         |
| 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn                | 312        |             | -                     | 71.123.400             |
| 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước              | 313        | V.12        | 2.062.294.898         | 1.209.512.753          |
| 4. Phải trả người lao động                          | 314        |             | 496.985.319           | -                      |
| 5. Chi phí phải trả ngắn hạn                        | 315        | V.13        | 84.264.496            | -                      |
| 6. Phải trả nội bộ ngắn hạn                         | 316        |             | -                     | -                      |
| 7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 317        |             | -                     | -                      |
| 8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn                | 318        |             | -                     | -                      |
| 9. Phải trả ngắn hạn khác                           | 319        | V.14a       | 720.000.000           | -                      |
| 10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn               | 320        | V.15a       | 55.089.747.447        | 55.313.626.090         |
| 11. Dự phòng phải trả ngắn hạn                      | 321        |             | -                     | -                      |
| 12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi                       | 322        |             | 400.000.000           | -                      |
| 13. Quỹ bình ổn giá                                 | 323        |             | -                     | -                      |
| 14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ      | 324        |             | -                     | -                      |
| <b>II. Nợ dài hạn</b>                               | <b>330</b> |             | <b>15.339.682.999</b> | <b>35.801.754.435</b>  |
| 1. Phải trả người bán dài hạn                       | 331        | V.11b       | -                     | 5.457.945.435          |
| 2. Người mua trả tiền trước dài hạn                 | 332        |             | -                     | -                      |
| 3. Chi phí phải trả dài hạn                         | 333        |             | -                     | -                      |
| 4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh                | 334        |             | -                     | -                      |
| 5. Phải trả nội bộ dài hạn                          | 335        |             | -                     | -                      |
| 6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn                 | 336        |             | -                     | -                      |
| 7. Phải trả dài hạn khác                            | 337        | V.14b       | 5.050.000.000         | 5.050.000.000          |
| 8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn                 | 338        | V.15b       | 10.289.682.999        | 25.293.809.000         |
| 9. Trái phiếu chuyển đổi                            | 339        |             | -                     | -                      |
| 10. Cổ phiếu ưu đãi                                 | 340        |             | -                     | -                      |
| 11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả                 | 341        |             | -                     | -                      |
| 12. Dự phòng phải trả dài hạn                       | 342        |             | -                     | -                      |
| 13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ            | 343        |             | -                     | -                      |





**CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY HOÀNG HÀ HẢI PHÒNG**

Địa chỉ: Số 194 đường Kiều Hạ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, TP Hải Phòng

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

**Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**

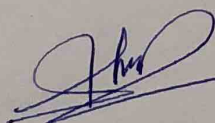
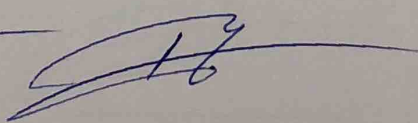
| NGUỒN VỐN                                       | Mã số      | Thuyết minh | Số cuối năm            | Số đầu năm             |
|---|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| <b>D- NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>                  | <b>400</b> |             | <b>106.415.552.468</b> | <b>31.337.505.113</b>  |
| <b>I. Vốn chủ sở hữu</b>                        | <b>410</b> | <b>V.16</b> | <b>106.415.552.468</b> | <b>31.337.505.113</b>  |
| 1. Vốn góp của chủ sở hữu                       | 411        |             | 100.000.000.000        | 27.000.000.000         |
| - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết        | 411a       |             | 100.000.000.000        | 27.000.000.000         |
| - Cổ phiếu ưu đãi                               | 411b       |             | -                      | -                      |
| 2. Thặng dư vốn cổ phần                         | 412        |             | -                      | -                      |
| 3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu             | 413        |             | -                      | -                      |
| 4. Vốn khác của chủ sở hữu                      | 414        |             | -                      | -                      |
| 5. Cổ phiếu quỹ                                 | 415        |             | -                      | -                      |
| 6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản              | 416        |             | -                      | -                      |
| 7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái                   | 417        |             | -                      | -                      |
| 8. Quỹ đầu tư phát triển                        | 418        |             | 400.000.000            | -                      |
| 9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp              | 419        |             | -                      | -                      |
| 10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu               | 420        |             | -                      | -                      |
| 11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối           | 421        |             | 6.015.552.468          | 4.337.505.113          |
| - LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước  | 421a       |             | 537.505.113            | 2.279.174.350          |
| - LNST chưa phân phối kỳ này                    | 421b       |             | 5.478.047.355          | 2.058.330.763          |
| 12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản            | 422        |             | -                      | -                      |
| <b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>           | <b>430</b> |             | -                      | -                      |
| 1. Nguồn kinh phí                               | 431        |             | -                      | -                      |
| 2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định | 432        |             | -                      | -                      |
| <b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>                      | <b>440</b> |             | <b>196.786.474.866</b> | <b>136.485.231.803</b> |

Lập, ngày 26 tháng 3 năm 2018

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc


Nguyễn Thị Hương

Trịnh Thị Hương

Trần Thị Thu Phương

# CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY HOÀNG HÀ HẢI PHÒNG

Địa chỉ: Số 194 đường Kiều Hạ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, TP Hải Phòng

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

### BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2017

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU   | Mã số | Thuyết minh | Năm nay              | Năm trước            |
|--|-------|-------------|----------------------|----------------------|
|  |       |             |                      |                      |
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ          | 01    | VI.1        | 124.594.079.820      | 109.689.083.749      |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu                    | 02    | VI.2        | 3.692.100            | -                    |
| 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 10    |             | 124.590.387.720      | 109.689.083.749      |
| 4. Giá vốn hàng bán                                | 11    | VI.3        | 109.698.927.365      | 100.897.091.806      |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ   | 20    |             | 14.891.460.355       | 8.791.991.943        |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính                   | 21    | VI.4        | 2.885.024            | 94.890.086           |
| 7. Chi phí tài chính                               | 22    | VI.5        | 5.627.135.223        | 6.481.384.529        |
| Trong đó: chi phí lãi vay                          | 23    |             | 5.627.135.223        | 6.457.760.666        |
| 8. Chi phí bán hàng                                | 25    | VI.6        | 1.669.821.266        | 1.547.014.213        |
| 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp                    | 26    | VI.7        | 713.439.892          | 743.402.848          |
| 10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh        | 30    |             | 6.883.948.998        | 115.080.439          |
| 11. Thu nhập khác                                  | 31    | VI.8        | 25.519.902           | 2.532.042.078        |
| 12. Chi phí khác                                   | 32    | VI.9        | 49.527.765           | 56.145.220           |
| 13. Lợi nhuận khác                                 | 40    |             | (24.007.863)         | 2.475.896.858        |
| 14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế              | 50    |             | 6.859.941.135        | 2.590.977.297        |
| 15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành   | 51    | VI.10       | 1.381.893.780        | 532.646.534          |
| 16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại    | 52    |             | -                    | -                    |
| 17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp       | 60    |             | <u>5.478.047.355</u> | <u>2.058.330.763</u> |

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Hương

Trịnh Thị Hương

Lập, ngày 26 tháng 3 năm 2018



Trần Thị Thu Phương



**CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY HOÀNG HÀ HẢI PHÒNG**

Địa chỉ: Số 194 đường Kiều Hạ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, TP Hải Phòng

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(Theo phương pháp trực tiếp)

Năm 2017

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU  | Mã<br>số  | Thuyết<br>minh | Đơn vị tính: VND        |                        |
|---|-----------|----------------|-------------------------|------------------------|
|   |           |                | Năm nay                 | Năm trước              |
| <b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>                               |           |                |                         |                        |
| 1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác                        | 01        |                | 127.584.225.880         | 127.506.326.577        |
| 2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ                          | 02        |                | (139.492.443.512)       | (113.048.083.175)      |
| 3. Tiền chi trả cho người lao động  | 03        |                | (4.409.136.738)         | (6.505.542.574)        |
| 4. Tiền lãi vay đã trả  | 04        |                | (5.542.870.727)         | (6.457.760.666)        |
| 5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp  | 05        |                | (161.388.560)           | (685.101.141)          |
| 6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh  | 06        |                | 32.946.403.349          | 22.476.281.620         |
| 7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh                                       | 07        |                | (40.693.723.611)        | (8.614.664.609)        |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>                            | <b>20</b> |                | <b>(29.768.933.919)</b> | <b>14.671.456.032</b>  |
| <b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>                                  |           |                |                         |                        |
| 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác    | 21        |                | (509.772.727)           | (8.217.370.013)        |
| 2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | 22        |                | -                       | -                      |
| 3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác                         | 23        |                | -                       | -                      |
| 4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác                 | 24        |                | -                       | -                      |
| 5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác                                     | 25        |                | -                       | -                      |
| 6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác                                 | 26        |                | (24.000.000.000)        | -                      |
| 7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia                          | 27        |                | -                       | -                      |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>                                | <b>30</b> |                | <b>2.885.024</b>        | <b>7.112.555</b>       |
|   |           |                | <b>(24.506.887.703)</b> | <b>(8.210.257.458)</b> |



**CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY HOÀNG HÀ HẢI PHÒNG**

Địa chỉ: Số 194 đường Kiều Hạ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, TP Hải Phòng

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

| CHỈ TIÊU   | Mã số     | Thuyết minh | Năm nay               |  | Năm trước              |   |
|--|-----------|-------------|-----------------------|--|------------------------|---|
|  |           |             |                       |  |                        |   |
| <b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>   |           |             |                       |  |                        |   |
| 1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu                             | 31        |             | 62.700.000.000        |  | -                      | - |
| 2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành | 32        |             | -                     |  | -                      | - |
| 3. Tiền thu từ đi vay  | 33        |             | 126.753.414.693       |  | 136.481.269.820        |   |
| 4. Tiền trả nợ gốc vay   | 34        |             | (131.681.419.337)     |  | (142.060.041.386)      |   |
| 5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính  | 35        |             | -                     |  | (589.408.509)          |   |
| 6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu   | 36        |             | (3.000.000.000)       |  | -                      | - |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>  | <b>40</b> |             | <b>54.771.995.356</b> |  | <b>(6.168.180.075)</b> |   |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>   | <b>50</b> |             | <b>496.173.734</b>    |  | <b>293.018.499</b>     |   |
| <b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>  | <b>60</b> | <b>V.1</b>  | <b>1.091.121.862</b>  |  | <b>798.103.363</b>     |   |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ                                    | 61        |             | -                     |  | -                      | - |
| <b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>   | <b>70</b> | <b>V.1</b>  | <b>1.587.295.596</b>  |  | <b>1.091.121.862</b>   |   |

Lập ngày 26 tháng 3 năm 2018

Người lập biểu

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Hương



Trịnh Thị Hương



Trần Thị Thu Phương

# CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY HOÀNG HÀ HÀI PHÒNG

Địa chỉ: Số 194 đường Kiều Hạ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, TP Hải Phòng

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

### BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2017

#### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. **Hình thức sở hữu vốn:** Công ty Cổ phần.
2. **Lĩnh vực kinh doanh:** Sản xuất, dịch vụ
3. **Ngành nghề kinh doanh:**
  - Sản xuất giấy nhãn, bì nhãn, bao bì từ giấy và bì  
Chi tiết: Sản xuất bao bì bằng giấy, bì giấy nhãn và giấy bì;
  - Sản xuất bột giấy, giấy và bì;
  - Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bì chưa được phân vào đầu  
Chi tiết: Sản xuất giấy viết, giấy in, giấy tráng phan;
  - Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình  
Chi tiết: Giấy, bì carton, giấy tráng phan;
  - Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đầu  
Chi tiết: Dịch vụ xuất nhập khẩu hàng hóa;
  - Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đầu  
Chi tiết: Phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại, nguyên liệu làm giấy;
  - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác  
Chi tiết: Máy móc, thiết bị ngành giấy. Thiết bị thủy lực, máy nén khí, máy cơ khí, thiết bị phòng cháy chữa cháy, thiết bị bảo hộ lao động;
  - In ấn;
  - Dịch vụ liên quan đến in;
  - Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan  
Chi tiết: Nhựa đường, than đá và nhiên liệu rắn khác, dầu thô, xăng dầu, khí đốt và các sản phẩm liên quan;
  - Pho to, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác  
Chi tiết: Photo, chuẩn bị tài liệu./.
4. **Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường** Trong vòng 12 tháng

#### 5. Cấu trúc doanh nghiệp:

*Công ty con:*

| Tên công ty                          | Địa chỉ trụ sở chính   | Tỷ lệ vốn góp thực tế | Tỷ lệ theo Giấy CNĐKKD |
|--------------------------------------|--|-----------------------|------------------------|
| Công ty Cổ phần Giấy Hoàng Hà Hà Nam | KCN Đông Văn I, thị trấn Đông Văn, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam | 66,67%                | 66,67%                 |

6. **Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên BCTC:** Số liệu BCTC năm 2017 hoàn toàn nhất quán và đảm bảo tính so sánh được với số liệu BCTC năm 2016



# **CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY HOÀNG HÀ HẢI PHÒNG**

Địa chỉ: Số 194 đường Kiều Hạ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, TP Hải Phòng

## **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

### **II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

#### **1. Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

#### **2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

### **III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

#### **1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

#### **2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán Việt Nam**

Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

### **IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

#### **1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

#### **2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

#### **3. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính**

##### *i. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay.*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Giá trị các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được đánh giá theo số thực tế có thể thu hồi.

##### *ii. Đầu tư vào công ty con; công ty liên doanh, liên kết;*

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết, các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc. Tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu.



# CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY HOÀNG HÀ HẢI PHÒNG

Địa chỉ: Số 194 đường Kiều Hạ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, TP Hải Phòng

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

#### 4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo thực tế phát sinh có đầy đủ chứng từ hợp lý hợp lệ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra theo qui định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu.

#### 5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá xuất hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào cuối năm khi có sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho. Việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại vật tư, hàng hóa, sản phẩm tồn kho theo qui định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu...

#### 6. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ, TSCĐ thuê tài chính

##### a) Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá Tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được Tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá Tài sản cố định hữu hình nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi Tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

| <u>Tài sản cố định</u>          | <u>Số năm</u> |
|---------------------------------|---------------|
| Nhà cửa, vật kiến trúc          | 10-20         |
| Máy móc và thiết bị             | 05-20         |
| Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 05-06         |

##### b) Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.



# CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY HOÀNG HÀ HẢI PHÒNG

Địa chỉ: Số 194 đường Kiều Hạ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, TP Hải Phòng

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không chắc chắn Công ty sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản cố định sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian thuê và thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định thuê tài chính như sau:

| <u>Loại tài sản cố định</u>     | <u>Số năm</u> |
|---------------------------------|---------------|
| Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 06            |

### 7. Nguyên tắc kế toán các hợp đồng hợp tác kinh doanh

BCC được thực hiện dưới hình thức cùng nhau xây dựng tài sản hoặc hợp tác trong một số hoạt động kinh doanh. Các bên tham gia trong BCC có thể thỏa thuận chia doanh thu, chia sản phẩm hoặc chia lợi nhuận sau thuế.

Khi nhận tiền, tài sản của các các bên khác đóng góp cho hoạt động BCC, bên nhận phải kế toán là nợ phải trả, không được ghi nhận vào vốn chủ sở hữu.

### 8. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước ghi nhận chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động SXKD của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí SXKD của các kỳ kế toán sau.

#### *Công cụ, dụng cụ*

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

### 9. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ, được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của doanh nghiệp.

Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua. Khoản phải trả này gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác).

Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

### 10. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Công ty phải theo dõi chi tiết kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Các khoản có thời gian trả nợ hơn 12 tháng kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn để có kế hoạch chi trả.

Đối với khoản nợ thuê tài chính, tổng số nợ thuê phản ánh vào bên Có của tài khoản 341 là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.



## **CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY HOÀNG HÀ HẢI PHÒNG**

Địa chỉ: Số 194 đường Kiều Hạ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, TP Hải Phòng

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)**

- 11. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay**  
Các chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến khoản vay phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh được hạch toán vào chi phí tài chính trong kỳ. Trường hợp các chi phí này phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa vào giá trị tài sản khi có đủ điều kiện theo qui định chuẩn mực kế toán Việt nam số 16 “ Chi phí đi vay”.
- 12. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**  
Các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, và chi phí lãi tiền vay phải trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.  
Việc hạch toán các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ phải thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí thực tế phát sinh phải được quyết toán với chi phí phải trả đã trích trước, chênh lệch sẽ được hoàn nhập hoặc hạch toán tiếp vào chi phí.
- 13. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**  
*Vốn đầu tư của chủ sở hữu*  
Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.  
*Lợi nhuận chưa phân phối*  
Ghi nhận kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của doanh nghiệp.  
*Các quỹ khác*  
Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn hàng năm.  
*Cổ tức*  
Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.
- 14. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu**  
*a) Doanh thu bán hàng*  
Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:  
- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;  
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;  
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;  
- Công ty đã thu hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;  
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng./.
- b) Doanh thu cung cấp dịch vụ*  
Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:  
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;  
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;  
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;



# **CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY HOÀNG HÀ HẢI PHÒNG**

Địa chỉ: Số 194 đường Kiều Hạ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, TP Hải Phòng

## **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

### **Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)**

- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó./.

#### **c) Doanh thu hoạt động tài chính**

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn./.

#### **15. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, kế toán phải tính ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

#### **16. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính**

Phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán; Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái....

#### **17. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển...

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

#### **18. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là thuế thu nhập hiện hành, được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.



## CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY HOÀNG HÀ HẢI PHÒNG

Địa chỉ: Số 194 đường Kiều Hạ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, TP Hải Phòng

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)**

#### 19. Công cụ tài chính

##### iii. Tài sản tài chính

###### *Phân loại tài sản tài chính*

Công ty phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

###### *Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh*

Tài sản tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

###### *Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

###### *Các khoản cho vay và phải thu*

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

###### *Tài sản tài chính sẵn sàng để bán*

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

###### *Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính*

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dùng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

##### iv. Nợ phải trả tài chính

Công ty phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.



# CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY HOÀNG HÀ HẢI PHÒNG

Địa chỉ: Số 194 đường Kiều Hạ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, TP Hải Phòng

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)**

*Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh*

Nợ phải trả tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được phát hành hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

*Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ*

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

*Giá trị ghi sổ ban đầu của nợ phải trả tài chính*

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

### v. Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

## 20. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VIII.1



**CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY HOÀNG HÀ HẢI PHÒNG**

Địa chỉ: Số 194 đường Kiều Hạ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, TP Hải Phòng

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)****V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

|                    | <u>Số cuối năm</u>          | <u>Số đầu năm</u>           |
|--------------------|-----------------------------|-----------------------------|
| Tiền mặt           | 1.073.555.042               | 607.103.062                 |
| Tiền gửi ngân hàng | 513.740.554                 | 484.018.800                 |
| <b>Cộng</b>        | <b><u>1.587.295.596</u></b> | <b><u>1.091.121.862</u></b> |

**2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

|  | <u>Số cuối năm</u>           | <u>Số đầu năm</u>            |
|--|------------------------------|------------------------------|
| <b><i>Phải thu các bên liên quan</i></b>   | <b><i>9.262.227.890</i></b>  | <b><i>7.366.461.118</i></b>  |
| Công ty Cổ phần Giấy Hoàng Hà Hà Nam       | -                            | 2.978.614.293                |
| Công ty TNHH Tư vấn Sản xuất Giấy Hoàng Hà | 7.264.631.230                | 2.231.787.025                |
| Công ty Cổ phần Bao Bì Phương Bắc          | 1.997.596.660                | 2.156.059.800                |
| <b><i>Phải thu các khách hàng khác</i></b> | <b><i>22.333.915.627</i></b> | <b><i>18.090.855.538</i></b> |
| Công ty TNHH Thương mại Đầu tư An Minh     | 6.230.170.250                | 2.226.311.230                |
| Công ty TNHH Bao Bì Tân Hưng               | -                            | 2.183.213.270                |
| Công ty TNHH Hoàng Lê                      | -                            | 2.263.569.110                |
| Công ty TNHH Bao bì Quốc Tế B & B          | 3.522.745.300                | 750.696.980                  |
| Công ty TNHH Bao bì AP (Hà Nội)            | 3.536.763.750                | 1.659.411.452                |
| Các khách hàng khác                        | 9.044.236.327                | 9.007.653.496                |
| <b>Cộng</b>                                | <b><u>31.596.143.517</u></b> | <b><u>25.457.316.656</u></b> |

**3. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

|   | <u>Số cuối năm</u>        | <u>Số đầu năm</u>         |
|---|---------------------------|---------------------------|
| Công ty Cổ phần Sản Xuất và Thương Mại PP           | 100.000.000               | -                         |
| Công ty TNHH Tư Vấn Quản Lý Đầu Tư Dragon Holdings  | 54.000.000                | -                         |
| Công ty TNHH Tư vấn TDT                             | 97.328.000                | 79.228.000                |
| Công ty Cổ phần Tư Vấn Dự Án và Môi Trường Bền Vững | 225.025.000               | 225.025.000               |
| Các khách hàng khác                                 | 101.280.000               | 206.874.100               |
| <b>Cộng</b>   | <b><u>577.633.000</u></b> | <b><u>511.127.100</u></b> |

**CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY HOÀNG HÀ HẢI PHÒNG**

Địa chỉ: Số 194 đường Kiều Hạ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, TP Hải Phòng

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)****4. Phải thu ngắn hạn khác**

|  | Số cuối năm           |          | Số đầu năm           |          |
|--|-----------------------|----------|----------------------|----------|
|  | Giá trị               | Dự phòng | Giá trị              | Dự phòng |
| <i>Phải thu các bên liên quan</i>  | <b>158.526.611</b>    | -        | <b>207.009.185</b>   | -        |
| Phải thu tiền lãi hợp tác kinh doanh - Công ty Cổ phần Bao Bì Phương Bắc | 87.508.155            | -        | 87.508.155           | -        |
| Phải thu tiền điện và bảo vệ - Công ty Cổ phần Bao Bì Phương Bắc         | 71.018.456            | -        | 119.501.030          | -        |
| <i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>                              | <b>14.926.154.239</b> | -        | <b>7.067.711.650</b> | -        |
| Tạm ứng  | 7.903.938.330         | -        | -                    | -        |
| Ký cược, ký quỹ  | 7.000.000.000         | -        | 7.022.000.000        | -        |
| Các khoản phải thu ngắn hạn khác   | 22.215.909            | -        | 45.711.650           | -        |
| <b>Cộng</b>  | <b>15.084.680.850</b> | -        | <b>7.274.720.835</b> | -        |

**5. Hàng tồn kho**

|                                      | Số cuối năm           |          | Số đầu năm            |          |
|--------------------------------------|-----------------------|----------|-----------------------|----------|
|                                      | Giá trị               | Dự phòng | Giá trị               | Dự phòng |
| Nguyên liệu, vật liệu                | 19.488.744.715        | -        | 14.155.968.660        | -        |
| Công cụ, dụng cụ                     | 185.170.050           | -        | -                     | -        |
| Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang | 1.089.736.005         | -        | 1.144.381.629         | -        |
| Thành phẩm                           | 6.938.952.868         | -        | 6.346.706.662         | -        |
| Hàng hóa                             | 3.633.450.100         | -        | 165.039.080           | -        |
| <b>Cộng</b>                          | <b>31.336.053.738</b> | -        | <b>21.812.096.031</b> | -        |

**6. Chi phí trả trước ngắn hạn**

|                  | Số cuối năm       | Số đầu năm         |
|------------------|-------------------|--------------------|
| Công cụ dụng cụ  | 94.834.820        | 552.390.079        |
| Chi phí bảo hiểm | 3.520.910         | -                  |
| Chi phí khác     | -                 | 5.300.000          |
| <b>Cộng</b>      | <b>98.355.730</b> | <b>557.690.079</b> |



## CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY HOÀNG HÀ HẢI PHÒNG

Địa chỉ: Số 194 đường Kiều Hạ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, TP Hải Phòng

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)**

#### 7. Phải thu dài hạn khác

|   | Số cuối năm           |          | Số đầu năm           |          |
|---|-----------------------|----------|----------------------|----------|
|   | Giá trị               | Dự phòng | Giá trị              | Dự phòng |
| <b>Phải thu các bên liên quan</b>                                   | <b>28.500.000.000</b> | <b>-</b> | <b>8.500.000.000</b> | <b>-</b> |
| Hợp tác kinh doanh - Công ty Cổ phần Bao bì Phương Bắc (1)          | 8.500.000.000         | -        | 8.500.000.000        | -        |
| Hợp tác kinh doanh - Công ty TNHH Tư vấn Sản xuất Giấy Hoàng Hà (2) | 20.000.000.000        | -        | -                    | -        |
| <b>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</b>                         | <b>27.000.000</b>     | <b>-</b> | <b>27.000.000</b>    | <b>-</b> |
| Ký cược, ký quỹ   | 27.000.000            | -        | 27.000.000           | -        |
| <b>Cộng</b>   | <b>28.527.000.000</b> | <b>-</b> | <b>8.527.000.000</b> | <b>-</b> |

(1) Là khoản hợp tác kinh doanh với Công ty Cổ phần Bao Bì Phương Bắc theo hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01/BBPB ngày 08/1/2013 và phụ lục hợp đồng số 01 ngày 25/3/2013. Theo đó, Công ty Cổ phần giấy Hoàng Hà Hải Phòng chịu trách nhiệm đầu tư toàn bộ về nhà văn phòng, nhà xưởng sản xuất, trạm biến áp, nồi hơi và 2 dây chuyền sản xuất bao bì carton công suất 12.000 tấn/năm và 6.000 tấn/năm. Tổng giá trị đầu tư là 8.500.000.000 VND. Quyền lợi Công ty Cổ phần giấy Hoàng Hà Hải Phòng nhận được là:

+ Được nhận phần tiền vốn góp cố định từ Công ty Cổ phần bao bì Phương Bắc là 5.050.000.000 VND (Trường hợp Công ty Cổ phần giấy Hoàng Hà Hải Phòng không tiếp tục hợp tác kinh doanh thì Công ty Cổ phần bao bì Phương Bắc sẽ được quyền mua lại dây chuyền máy móc thiết bị với giá cả thỏa thuận và số tiền này sẽ được bù trừ sang hợp đồng mua bán máy móc thiết bị sẽ ký kết giữa hai bên).

+ Được quyền thu lại chi phí bảo vệ, vệ sinh lao vụ, tiền điện, nước theo thực tế sử dụng của Công ty Cổ phần bao bì Phương Bắc.

+ Được nhận một khoản tiền bù đắp chi phí khấu hao 50.000.000 đồng/tháng. Từ ngày 01/01/2017, tiền bù đắp chi phí khấu hao được điều chỉnh là 60.000.000/tháng.

+ Được chia 20% kết quả thu được từ hoạt động khai thác dây chuyền sản xuất bao bì công suất 12.000 tấn năm sau khi Công ty Cổ phần bao bì Phương bắc hoàn thành các nghĩa vụ đóng thuế cho nhà nước.

(2) Là khoản hợp tác kinh doanh với Công ty TNHH tư vấn sản xuất giấy Hoàng Hà Theo hợp đồng hợp tác kinh doanh số 2109/2017/HĐHTKD ngày 21/9/2017. Theo đó hai bên hợp tác thực hiện dự án “Mở rộng và chuyển đổi mục đích sử dụng lô đất 3.523,3 m<sup>2</sup> tại địa chỉ phố An Chân, phường Sở Dầu, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng”, là đất do Công ty TNHH tư vấn sản xuất giấy Hoàng Hà đứng tên chủ sở hữu. Cụ thể Công ty cổ phần giấy Hoàng Hà Hải Phòng sẽ góp vốn để Công ty TNHH tư vấn sản xuất giấy Hoàng Hà tổ chức triển khai việc mở rộng diện tích thêm phần còn lại của cả Khu đất với diện tích 3.278,6m<sup>2</sup> và chuyển đổi mục đích sử dụng sang đất ở, sau đó phân lô, bán nền và thu hồi vốn đầu tư. Tổng giá trị hợp tác đầu tư là 20.000.000.000 VNĐ tương ứng 45% tổng chi phí của dự án. Khi dự án có doanh thu, Công ty sẽ thu hồi vốn đầu tư tương đương 40% doanh thu thu được hàng tháng và 45% tổng lợi nhuận sau thuế sau khi kết thúc dự án.

Công ty TNHH Tư vấn sản xuất giấy Hoàng Hà đã được Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hải Phòng cấp giấy chứng nhận bổ sung quyền sở hữu đối với 02 công trình trên đất là Nhà kho (DTXD 877,5m<sup>2</sup>) và Nhà văn phòng, làm việc (DTXD 111,8m<sup>2</sup>; DTSD 226,8m<sup>2</sup>) trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CE792947 ngày 7/2/2018. Văn bản số 470/SXD\_QHKT ngày 6/2/2018 của Sở Xây dựng thành phố Hải Phòng đã xác nhận khu đất trên được quy hoạch là đất ở.



## CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY HOÀNG HÀ HẢI PHÒNG

Địa chỉ: Số 194 đường Kiều Hạ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, TP Hải Phòng  
BẢO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017  
Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

### 8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

|                                       | Nhà cửa, vật kiến trúc | Máy móc và thiết bị   | Phương tiện vận tải, truyền dẫn | Cộng                  |
|---------------------------------------|------------------------|-----------------------|---------------------------------|-----------------------|
| Nguyên giá                            |                        |                       |                                 |                       |
| Số đầu năm                            | 18.068.470.367         | 66.767.578.727        | 3.708.093.651                   | 88.544.142.745        |
| Mua trong năm                         | -                      | 247.500.000           | 262.272.727                     | 509.772.727           |
| Số cuối năm                           | <b>18.068.470.367</b>  | <b>67.015.078.727</b> | <b>3.970.366.378</b>            | <b>89.053.915.472</b> |
| <i>Trong đó:</i>                      |                        |                       |                                 |                       |
| Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng | -                      | -                     | -                               | -                     |
| Giá trị hao mòn                       |                        |                       |                                 |                       |
| Số đầu năm                            | 3.233.064.595          | 12.928.854.591        | 1.531.473.410                   | 17.693.392.596        |
| Khấu hao trong năm                    | 955.926.300            | 5.869.923.399         | 890.588.017                     | 7.716.437.716         |
| Số cuối năm                           | <b>4.188.990.895</b>   | <b>18.798.777.990</b> | <b>2.422.061.427</b>            | <b>25.409.830.312</b> |
| Giá trị còn lại                       |                        |                       |                                 |                       |
| Số đầu năm                            | 14.835.405.772         | 53.838.724.136        | 2.176.620.241                   | 70.850.750.149        |
| Số cuối năm                           | <b>13.879.479.472</b>  | <b>48.216.300.737</b> | <b>1.548.304.951</b>            | <b>63.644.085.160</b> |

Một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 86.755.967.276 VND và 63.130.548.720 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay tại các ngân hàng: Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Ngô Quyền và Ngân hàng TMCP Tiên Phong – Chi nhánh Hoàn Kiếm và Ngân hàng Quân Đội – Chi nhánh Hoàn Kiếm



**CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY HOÀNG HÀ HẢI PHÒNG**

Địa chỉ: Số 194 đường Kiều Hạ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, TP Hải Phòng

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)****9. Tăng, giảm tài sản cố định thuê tài chính**

|                    | <u>Nguyên giá</u>  | <u>Hao mòn lũy kế</u> | <u>Giá trị còn lại</u> |
|--------------------|--------------------|-----------------------|------------------------|
| Số đầu năm         | 409.090.909        | 5.681.818             | 403.409.091            |
| Khấu hao trong năm | -                  | 68.181.816            | (68.181.816)           |
| <b>Số cuối năm</b> | <b>409.090.909</b> | <b>73.863.634</b>     | <b>335.227.275</b>     |

Là chiếc xe nâng hiệu Hangcha thuê tài chính của Công ty Cho thuê Tài chính TNHH MTV Quốc tế Chailease- Chi nhánh Hà Nội có giá trị 450.000.000 VND (bao gồm cả thuế GTGT 10%). Ngày bắt đầu thuê: 28/11/2016, Thời hạn thuê: 36 tháng (xem thêm thuyết minh số V.14b - Vay và nợ thuê dài hạn)

**10. Đầu tư vào công ty con**

Là khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần giấy Hoàng Hà Hà Nam căn cứ biên bản họp đại hội đồng Cổ đông số 03/2017/BB-ĐHĐCĐ ngày 25/9/2017. Theo đó tổng số tiền đầu tư vào Công ty Cổ phần Giấy Hoàng Hà Hà Nam là 24.000.000.000 VND, chiếm 66,67% vốn điều lệ. Đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2017 Công ty đã góp đủ vốn theo cam kết.

**11. Phải trả người bán****a) Phải trả người bán ngắn hạn**

|   | <u>Số cuối năm</u>    |                       | <u>Số đầu năm</u>     |                       |
|---|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|
|   | <u>Số có khả năng</u> |                       | <u>Số có khả năng</u> |                       |
|   | <u>Giá trị</u>        | <u>trả nợ</u>         | <u>Giá trị</u>        | <u>trả nợ</u>         |
| <b>Phải trả các bên liên quan</b>               | <b>6.838.159.300</b>  | <b>6.838.159.300</b>  | <b>1.695.286.450</b>  | <b>1.695.286.450</b>  |
| Công ty Cổ phần Giấy Hoàng Hà Hà Nam            | 3.503.070.375         | 3.503.070.375         | -                     | -                     |
| Công ty TNHH Tư vấn Sản xuất Giấy Hoàng Hà      | 2.497.188.015         | 2.497.188.015         | 614.570.660           | 614.570.660           |
| Công ty CP Bao Bì Phương Bắc                    | 837.900.910           | 837.900.910           | 1.080.715.790         | 1.080.715.790         |
| <b>Phải trả các nhà cung cấp khác</b>           | <b>9.339.787.939</b>  | <b>9.339.787.939</b>  | <b>11.056.423.562</b> | <b>11.056.423.562</b> |
| Công ty TNHH Thương mại Đầu tư An Minh          | -                     | -                     | 5.763.908.700         | 5.763.908.700         |
| Công ty Cổ phần Năng lượng Tái tạo Thành Thắng  | 2.757.207.910         | 2.757.207.910         | 2.322.936.600         | 2.322.936.600         |
| Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương Mại Phương Chi | 3.677.238.798         | 3.677.238.798         | 854.191.248           | 854.191.248           |
| Các nhà cung cấp khác                           | 2.905.341.231         | 2.905.341.231         | 2.115.387.014         | 2.115.387.014         |
| <b>Cộng</b>                                     | <b>16.177.947.239</b> | <b>16.177.947.239</b> | <b>12.751.710.012</b> | <b>12.751.710.012</b> |

**b) Phải trả người bán dài hạn**

|                                      | <u>Số cuối năm</u>    |               | <u>Số đầu năm</u>     |                      |
|--------------------------------------|-----------------------|---------------|-----------------------|----------------------|
|                                      | <u>Số có khả năng</u> |               | <u>Số có khả năng</u> |                      |
|                                      | <u>Giá trị</u>        | <u>trả nợ</u> | <u>Giá trị</u>        | <u>trả nợ</u>        |
| <b>Phải trả các bên liên quan</b>    | <b>-</b>              | <b>-</b>      | <b>5.457.945.435</b>  | <b>5.457.945.435</b> |
| Công ty Cổ phần Giấy Hoàng Hà Hà Nam | -                     | -             | 5.457.945.435         | 5.457.945.435        |
| <b>Cộng</b>                          | <b>-</b>              | <b>-</b>      | <b>5.457.945.435</b>  | <b>5.457.945.435</b> |

## CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY HOÀNG HÀ HẢI PHÒNG

Địa chỉ: Số 194 đường Kiều Hạ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, TP Hải Phòng

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

#### 12. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

|  | Số đầu năm           | Số phải nộp trong năm | Số đã thực nộp trong năm | Số cuối năm          |
|--|----------------------|-----------------------|--------------------------|----------------------|
| Thuế GTGT hàng bán nội địa             | 902.296.492          | 4.173.102.578         | 4.446.024.272            | 629.374.798          |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp             | 195.230.807          | 1.381.893.780         | 161.388.560              | 1.415.736.027        |
| Thuế TNCN                              | -                    | 150.000.000           | 150.000.000              | -                    |
| Tiền thuê đất                          | 64.539.000           | 218.552.000           | 283.091.000              | -                    |
| Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác | 47.446.454           | 48.039.547            | 78.301.928               | 17.184.073           |
| <b>Cộng</b>                            | <b>1.209.512.753</b> | <b>5.971.587.905</b>  | <b>5.118.805.760</b>     | <b>2.062.294.898</b> |

#### *Thuế giá trị gia tăng*

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

#### *Thuế xuất, nhập khẩu*

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

#### *Thuế thu nhập doanh nghiệp*

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%. Chi tiết tại thuyết minh VI.10

#### *Các loại thuế khác*

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

#### 13. Chi phí phải trả ngắn hạn

Là chi phí lãi vay phải trả

#### 14. Phải trả khác

##### a) Phải trả ngắn hạn khác

Là khoản tiền Công ty Cổ phần Bao Bì Phương Bắc (bên liên quan) ứng trước chi phí khấu hao năm 2018 phải trả cho Công ty Cổ phần Giấy Hoàng Hà Hải Phòng.

##### b) Phải trả dài hạn khác

Là số tiền Công ty Cổ phần Bao Bì Phương Bắc chuyển cho Công ty Cổ phần Giấy Hoàng Hà Hải Phòng theo hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01/BBPB ngày 08/1/2013 và phụ lục hợp đồng số 01 ngày 25/3/2013 (xem thuyết minh số V.7)



**CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY HOÀNG HÀ HẢI PHÒNG**

Địa chỉ: Số 194 đường Kiều Hạ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, TP Hải Phòng

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)****15. Vay và nợ thuê tài chính****a) Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

|  | Số cuối năm                  |                              | Số đầu năm                   |                              |
|--|------------------------------|------------------------------|------------------------------|------------------------------|
|  | Giá trị                      | Số có khả năng trả nợ        | Giá trị                      | Số có khả năng trả nợ        |
| <b>Vay ngắn hạn ngân hàng</b>  |                              |                              |                              |                              |
| Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Ngô Quyền (a)  | 43.998.026.490               | 43.998.026.490               | 43.576.897.625               | 43.576.897.625               |
| Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Hoàn Kiếm (b)  | 5.884.930.671                | 5.884.930.670                | 7.372.052.465                | 7.372.052.465                |
| Ngân hàng TMCP Phát triển nhà Thành phố Hồ Chí Minh - Chi nhánh Hải Phòng (c)                            | 909.364.287                  | 909.364.287                  | -                            | -                            |
| Vay dài hạn đến hạn trả  | 4.169.926.000                | 4.169.926.000                | 4.237.176.000                | 4.237.176.000                |
| <i>Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam</i>   | <i>3.699.376.000</i>         | <i>3.699.376.000</i>         | <i>3.699.376.000</i>         | <i>3.699.376.000</i>         |
| <i>Ngân hàng Quân đội</i>  | <i>268.800.000</i>           | <i>268.800.000</i>           | <i>268.800.000</i>           | <i>268.800.000</i>           |
| <i>Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Hoàn Kiếm</i>   | <i>201.750.000</i>           | <i>201.750.000</i>           | <i>269.000.000</i>           | <i>269.000.000</i>           |
| Nợ tài chính dài hạn đến hạn trả Công ty Cho thuê Tài chính TNHH MTV Quốc tế Chailease- Chi nhánh Hà Nội | 127.500.000                  | 127.500.000                  | 127.500.000                  | 127.500.000                  |
|  | <u>127.500.000</u>           | <u>127.500.000</u>           | <u>127.500.000</u>           | <u>127.500.000</u>           |
| <b>Cộng</b>  | <b><u>55.089.747.447</u></b> | <b><u>55.089.747.447</u></b> | <b><u>55.313.626.090</u></b> | <b><u>55.313.626.090</u></b> |

(a) Là khoản vay ngân hàng Công Thương chi nhánh Ngô Quyền theo hợp đồng tín dụng số 01.2016/HỆTDH/M/NHCT168-CPGHH ngày 04 tháng 11 năm 2016 và Văn bản sửa đổi bổ sung hợp đồng tín dụng số 01/2017/HỆTDH/M-SĐBS1/NHCT168-CPGHH ngày 14 tháng 12 năm 2017. Mục đích của khoản vay là để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh giấy Kraft các loại theo giấy đăng ký kinh doanh với hạn mức là 44.000.000.000 VND. Thời gian duy trì hạn mức kể từ ngày ký đến hết ngày 31/12/2017. Thời hạn cho vay của từng khoản nợ được ghi nhận trên giấy nhận nợ không vượt quá 6 tháng. Lãi suất vay là lãi suất linh hoạt được ghi trên từng giấy nhận nợ. Khoản vay này được đảm bảo bởi các hợp đồng đảm bảo sau:

(1) Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2015-HỆTCMMTB ngày 21/1/2015. Tài sản thế chấp là toàn bộ các hạng mục sửa chữa nâng cấp của dây chuyền, máy móc, thiết bị sản xuất giấy Kraft công suất 15.000 tấn/năm đầu tư năm 2014-2015. Giá trị tài sản thế chấp là 9.489.000.000 VND.

(2) Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2015-TCBĐS-HHHP ngày 02/11/2015. Tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất tại địa chỉ số 45 tổ Thủ Lệ, P.Ngọc Khánh, Q.Ba Đình, TP. Hà Nội, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CA188371 cấp ngày 21/09/2015 mang tên bà Trần Thị Thu Phương. Giá trị tài sản thế chấp là 3.174.000.000 VND.

(3) Hợp đồng thế chấp tài sản số 02/2014/HỆTC-MMTB ngày 08/09/2014. Tài sản thế chấp là lò hơi công nghệ tăng sôi 9 tấn/giờ, hệ thống lọc nước, linh kiện, phụ tùng và các thiết bị khác được lắp đặt cho và gắn liền với tài sản này. Giá trị tài sản thế chấp là 6.245.000.000 VND.



## **CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY HOÀNG HÀ HẢI PHÒNG**

Địa chỉ: Số 194 đường Kiều Hạ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, TP Hải Phòng

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

#### **Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)**

- (4) Hợp đồng thế chấp tài sản số 03/HĐTC ngày 15/01/2013. Tài sản thế chấp là toàn bộ căn nhà và quyền sử dụng đất thuộc quyền sở hữu của bà Nguyễn Thị Thu Thủy tại địa chỉ lô 3+1/2 lô 4, TT nhà hát kịch phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, Hà Nội. Theo văn bản thỏa thuận sửa đổi bổ sung hợp đồng thế chấp số 01/SĐ-03/HĐTC/2013 ngày 18/12/2013 giá trị tài sản thế chấp là 10.250.000.000 VND.
- (5) Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2014/HĐTCBĐS-VINH ngày 18/04/2014. Tài sản thế chấp là toàn bộ tài sản tại địa chỉ Khối 3- phường Hà Huy Tập, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An; giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 196053 do tỉnh Nghệ An cấp vào ngày 22/12/2014 mang tên ông Trịnh Việt Anh và bà Đinh Thị Hương. Giá trị tài sản thế chấp là 2.465.000.000 VND.
- (6) Hợp đồng thế chấp tài sản số 05/HĐTC ngày 07/01/2013. Tài sản thế chấp là xe ô tô con hiệu Kia Forte biển số 30S-5906; đăng ký xe ô tô số 105799 do Công An TP Hà Nội cấp ngày 21/07/2009 cho bà Trần Thị Thu Phương. Giá trị tài sản thế chấp là 270.000.000 VND.
- (7) Hợp đồng thế chấp máy móc thiết bị số 01/DCMMTB/HĐTC/2013. Tài sản thế chấp là dây chuyền sản xuất bao bì Carton và các thiết bị khác. Giá trị tài sản thế chấp là 4.000.000.000 VND.
- (8) Hợp đồng thế chấp máy móc thiết bị số 02/DCMMTB/HĐTC/2013 ngày 09/05/2013. Giá trị tài sản thế chấp là 4.000.000.000 VND.
- (9) Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay số 01/VKT/HĐTC/2012 ngày 24/12/2012. Tài sản thế chấp là toàn bộ vật kiến trúc trên 8.890 m<sup>2</sup> đất thuê tại phường Đông Hải, Hải An, Hải Phòng. Văn bản thỏa thuận sửa đổi bổ sung hợp đồng thế chấp tài sản số 02/SĐ-02/DCMMTB/HĐTC/2012 ngày 18/02/2014 xác định giá trị tài sản thế chấp là 15.391.201.080 VND.
- (10) Hợp đồng thế chấp hàng hóa bổ sung số 01/2014-HĐTCHH ngày 02/12/2014. Tài sản thế chấp là toàn bộ hàng hóa được hình thành từ vốn vay đang được đi đường hoặc được giữ tại kho hàng của đơn vị tại số 194 đường Kiều Hạ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng hoặc tại bất kỳ kho hàng nào khác (tại hiện tại hoặc tương lai) được sử dụng để chứa hàng hóa được phản ánh trong sổ sách kế toán hoặc chứng từ kho hàng.
- + Các quyền lợi ích của đơn vị phát sinh từ tất cả các hợp đồng bảo hiểm đối với một hoặc tất cả các tài sản đã nêu trên.
  - + Tất cả các quyền đòi nợ, quyền tài sản, lợi ích, các khoản bồi hoàn và các khoản thanh toán khác mà đơn vị có thể nhận được sau thời điểm Hợp đồng này có hiệu lực để mua bán, trao đổi, cho thuê, thay đổi, thay thế cho, thuộc về hoặc liên quan đến bất kỳ tài sản nào được đề cập nêu trên.
- (11) Hợp đồng thế chấp tài sản bổ sung số 01/2014-HĐTCQTS ngày 02/12/2014. Tài sản thế chấp là các quyền tài sản của đơn vị từ toàn bộ các khoản phải thu được hình thành từ vốn vay tại mọi thời điểm phát sinh dưới hình thức các Hợp đồng kinh tế và các hình thức ký kết văn bản khác.
- (b) Là khoản vay ngân hàng TMCP Tiên Phong – Chi nhánh Hoàn Kiếm theo hợp đồng tín dụng số 20/2017/HĐTD/LNH/01 ngày 17 tháng 01 năm 2017. Hạn mức vay 10.000.000.000 VND, mục đích của khoản vay là để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh giấy Kraft. Thời hạn sử dụng hạn mức là 12 tháng đến ngày 17/01/2018. Thời hạn cho vay của mỗi khoản vay trong hạn mức tối đa không vượt quá 6 tháng đối với mục đích thanh toán tiền cho các phương án mua hàng trong nước, thanh toán thư tín dụng trả ngay và không quá 6 tháng trừ đi thời hạn trả chậm của thư tín dụng với mục đích thanh toán thư tín dụng trả chậm. Lãi suất vay là lãi suất linh hoạt được quy định cụ thể tại từng đề nghị giải ngân kiêm kế ước nhận nợ. Tài sản thế chấp cho khoản vay là quyền sử dụng đất thuộc quyền sở hữu của ông Trần Quốc Khánh và bà Vũ Thị Hằng tại địa chỉ số 29 tổ 65 trung tâm thí nghiệm điện, phường Bạch Đằng, quận Hai Bà Trưng theo Hợp đồng đảm bảo số 254-02/HĐTC/TPBANK.LNH-HH ký kết ngày 12 tháng 3 năm 2015. Giá trị tài sản thế chấp tại thời điểm ký hợp đồng là 7.315.000.000 VND.



**CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY HOÀNG HÀ HẢI PHÒNG**

Địa chỉ: Số 194 đường Kiều Hạ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, TP Hải Phòng

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)**

(c) Là khoản vay theo hạn mức thấu chi Ngân hàng TMCP Phát triển nhà Thành phố Hồ Chí Minh – Chi nhánh Hải Phòng theo hợp đồng cấp hạn mức thấu chi thanh toán tiền điện số 2935/17/HĐHMTCP-DN/099 ngày 29/06/2017. Mục đích của khoản vay này là để thanh toán tiền điện cho Công ty TNHH MTV Điện lực Hải Phòng theo thông báo số 394/2017/TB-TGD. Hạn mức thấu chi được cấp: 1.000.000.000 VNĐ. Thời hạn hiệu lực của hạn mức thấu chi là 12 tháng kể từ ngày 29/06/2017 đến 29/06/2018. Lãi suất trong hạn: 10%. Khoản vay không có biện pháp bảo đảm.

*Chi tiết phát sinh về các khoản vay trong năm như sau:*

|                               | Số đầu năm            | Số tiền vay phát sinh trong năm | Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn | Số tiền vay đã trả trong năm | Số cuối năm           |
|-------------------------------|-----------------------|---------------------------------|---------------------------------|------------------------------|-----------------------|
| Vay ngắn hạn ngân hàng        | 50.948.950.090        | 123.953.414.693                 | -                               | (124.110.043.336)            | 50.792.321.447        |
| Vay ngắn hạn các cá nhân      | -                     | 2.800.000.000                   | -                               | (2.800.000.000)              | -                     |
| Vay dài hạn đến hạn trả       | 4.237.176.000         | -                               | 4.125.126.000                   | (4.192.376.000)              | 4.169.926.000         |
| Nợ thuê tài chính đến hạn trả | 127.500.000           | -                               | 127.500.001                     | (127.500.001)                | 127.500.000           |
|                               | <b>55.313.626.090</b> | <b>126.753.414.693</b>          | <b>4.252.626.001</b>            | <b>(131.229.919.337)</b>     | <b>55.089.747.447</b> |

**b) Vay và nợ thuê tài chính dài hạn**

|  | Số cuối năm           |                       | Số đầu năm            |                       |
|--|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|
|  | Giá trị               | Số có khả năng trả nợ | Giá trị               | Số có khả năng trả nợ |
| <i>Vay và nợ thuê tài chính dài hạn phải trả các bên liên quan(a)</i>                                  | -                     | -                     | <b>10.300.000.000</b> | <b>10.300.000.000</b> |
| Vay Bà Trần Thị Thu Phương   | -                     | -                     | 4.400.000.000         | 4.400.000.000         |
| Vay Ông Trần Kim Gia   | -                     | -                     | 3.300.000.000         | 3.300.000.000         |
| Vay Ông Nguyễn Huy Long  | -                     | -                     | 2.300.000.000         | 2.300.000.000         |
| Vay Ông Trần Quốc Khánh  | -                     | -                     | 150.000.000           | 150.000.000           |
| Vay Ông Trần Anh Giang   | -                     | -                     | 150.000.000           | 150.000.000           |
| <i>Vay và nợ thuê tài chính dài hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>                           | <b>10.289.682.999</b> | <b>10.289.682.999</b> | <b>14.993.809.000</b> | <b>14.993.809.000</b> |
| Vay dài hạn ngân hàng  |                       |                       |                       |                       |
| Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Ngô Quyền (b)  | 10.172.808.000        | 10.172.808.000        | 13.872.184.000        | 13.872.184.000        |
| Ngân hàng Quân đội – Chi nhánh Hoàn Kiếm (c)   | -                     | -                     | 224.000.000           | 224.000.000           |
| Ngân hàng TMCP Á Châu  | -                     | -                     | 451.500.000           | 451.500.000           |
| Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Hoàn Kiếm (d)  | -                     | -                     | 201.750.000           | 201.750.000           |
| Nợ thuê tài chính dài hạn Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc tế Chailease - Chi nhánh Hà Nội (e) | 116.874.999           | 116.874.999           | 244.375.000           | 244.375.000           |
| <b>Cộng</b>  | <b>10.289.682.999</b> | <b>10.289.682.999</b> | <b>25.293.809.000</b> | <b>25.293.809.000</b> |



# CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY HOÀNG HÀ HẢI PHÒNG

Địa chỉ: Số 194 đường Kiều Hạ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, TP Hải Phòng

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)**

- (a) Là khoản vay các cổ đông sáng lập với lãi suất 0%/năm để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Trong năm, toàn bộ khoản vay đã được chuyển thành tiền góp vốn của các Cổ đông
- (b) Là khoản vay ngân hàng Công Thương chi nhánh Ngô Quyền theo các hợp đồng tín dụng sau:
- (1) Hợp đồng tín dụng số 04/HĐTD/2013 ngày 7 tháng 01 năm 2013. Mục đích của khoản vay là thanh toán các chi phí đầu tư sửa chữa, nâng cấp thêm của nhà máy sản xuất giấy Kraft 15.000 tấn/năm. Số tiền cho vay là 3.000.000.000 VND. Thời hạn vay là 66 tháng. Lãi suất vay áp dụng theo phương pháp thả nổi, được xác định tại thời điểm nhận nợ vay và ghi trên giấy nhận nợ.
- (2) Hợp đồng tín dụng số 03/HĐTD/2013 ngày 26/03/2013. Mục đích của khoản vay là mua toàn bộ dây chuyền máy móc thiết bị sản xuất bao bì carton công suất 12.000 tấn/ năm và các máy móc thiết bị kèm theo. Số tiền cho vay là 2.500.000.000 VND. Thời hạn vay 36 tháng. Lãi suất vay áp dụng theo phương pháp thả nổi, được xác định tại thời điểm nhận nợ vay và ghi trên giấy nhận nợ.
- (3) Hợp đồng tín dụng số 01/HĐTD/2012 ngày 24/12/2012. Mục đích của khoản vay là để đầu tư mua lại tài sản cố định của Hợp tác xã xí nghiệp sản xuất giấy Đức Dương và Công ty Cổ phần Bao bì và in công nghệ cao Đình Vũ. Số tiền cho vay là 24.075.000.000 VND. Thời hạn cho vay là 114 tháng. Lãi suất vay áp dụng theo phương pháp thả nổi, được xác định tại thời điểm nhận nợ vay và ghi trên giấy nhận nợ.
- Các hợp đồng vay trên được thế chấp bằng các tài sản thế chấp giống như khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương chi nhánh Ngô Quyền (Xem TM số V.17a)
- (c) Là khoản vay ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Hoàn Kiếm theo hợp đồng cấp tín dụng số 531.15.081.1408527.TD ngày 10/07/2015. Số tiền cho vay: 896.000.000 VND. Thời hạn cho vay là 48 tháng. Mục đích cho vay là thanh toán một phần tiền mua ô tô theo hợp đồng mua bán xe ô tô số 300512015-HĐMB-TM/HCVN ngày 30/12/2015. Lãi suất cho vay là lãi suất thả nổi, được quy định tại văn bản nhận nợ. Khoản vay được đảm bảo bởi:
- + Tài sản thế chấp là 1 xe ô tô tải Dongfeng 4 chân nhập khẩu màu trắng, sản xuất năm 2015 hình thành từ vốn vay theo hợp đồng mua bán xe ô tô số 300512015-HĐMB-TM/HCVN. Giá trị tài sản thế chấp là 1.280.000.000 VND.
- (d) Là khoản vay ngân hàng TMCP Tiên Phong - chi nhánh Hoàn Kiếm theo hợp đồng tín dụng số 382-09.15/HĐTDHM/TPBANK.LNH-HH ngày 15 tháng 09 năm 2015 với số tiền cho vay là 807.000.000 VND. Mục đích của khoản vay là thanh toán bù đắp để mua 1 máy ép kiện theo Hợp đồng mua bán thiết bị số 12/02/2015/HĐMB-HH-VP ngày 12/02/2015 ký giữa công ty Giấy Việt Pháp (TNHH) và Công ty Cổ phần Giấy Hoàng Hà Hải Phòng. Thời hạn vay là 36 tháng từ ngày 17/09/2015 đến ngày 17/09/2018. Lãi suất vay là lãi suất linh hoạt được quy định cụ thể tại từng Đề nghị giải ngân kèm Khế ước nhận nợ. Khoản vay này được đảm bảo bởi hợp đồng đảm bảo sau:
- + Hợp đồng đảm bảo số 382-09.15/HĐTC/TPBANK.LNH-HH ký ngày 18/09/2015. Tài sản thế chấp là 1 máy ép kiện đã qua sử dụng nhãn hiệu 150T
- (e) Là tài sản thuê tài chính của Công ty Cho thuê Tài chính TNHH MTV Quốc tế Chailease-Chi nhánh Hà Nội. Tài sản thuê tài chính là một chiếc xe nâng hiệu Hangcha có giá trị 450.000.000 VND (bao gồm cả thuế GTGT 10%). Giá trị thuê là 382.500.000. Ngày bắt đầu thuê: 28/11/2016. Thời hạn thuê: 36 tháng. Lãi suất thuê được xác định như sau:  
Từ kỳ thanh toán tiền thuê đầu tiên đến kỳ thứ 6: lãi suất cố định: 9.65%



# CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY HOÀNG HÀ HÀI PHÒNG

Địa chỉ: Số 194 đường Kiều Hạ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, TP Hải Phòng

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Từ kỳ thanh toán thứ 7 trở đi: lãi suất thả nổi được tính bằng lãi suất tiêu chuẩn của VND của CILC + biên độ 2.53%. Việc điều chỉnh lãi hàng tháng (nếu có) sẽ được thể hiện trên giấy báo thanh toán do bên cho thuê gửi cho bên thuê.

*Chi tiết phát sinh vay và nợ thuê tài chính dài hạn trong năm như sau:*

|                         | Số đầu năm            | Số tiền vay đã trả trong năm | Kết chuyển sang vay dài hạn đến hạn trả | Giảm do chuyển tiền vay sang góp vốn | Số cuối năm           |
|-------------------------|-----------------------|------------------------------|---|--------------------------------------|-----------------------|
| Vay dài hạn ngân hàng   | 14.749.434.000        | (451.500.000)                | (4.125.126.000)                         | -                                    | 10.172.808.000        |
| Vay dài hạn các cá nhân | 10.300.000.000        | -                            | -                                       | (10.300.000.000)                     | -                     |
| Nợ thuê tài chính       | 244.375.000           | -                            | (127.500.001)                           | -                                    | 116.874.999           |
| <b>Cộng</b>             | <b>25.293.809.000</b> | <b>(451.500.000)</b>         | <b>(4.252.626.001)</b>                  | <b>(10.300.000.000)</b>              | <b>10.289.682.999</b> |

### 16. Vốn chủ sở hữu

*Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu*

|  | Vốn đầu tư của chủ sở hữu | Quỹ đầu tư phát triển | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | Cộng                   |
|--|---------------------------|-----------------------|-----------------------------------|------------------------|
| Số đầu năm trước                       | 18.000.000.000            | -                     | 2.279.174.350                     | 20.279.174.350         |
| Chuyển tiền vay sang góp vốn           | 9.000.000.000             | -                     | -                                 | 9.000.000.000          |
| Lợi nhuận trong năm trước              | -                         | -                     | 2.058.330.763                     | 2.058.330.763          |
| <b>Số dư cuối năm trước</b>            | <b>27.000.000.000</b>     | <b>-</b>              | <b>4.337.505.113</b>              | <b>31.337.505.113</b>  |
| Số dư đầu năm nay                      | 27.000.000.000            | -                     | 4.337.505.113                     | 31.337.505.113         |
| Tăng vốn bằng tiền                     | 62.700.000.000            | -                     | -                                 | 62.700.000.000         |
| Chuyển tiền vay sang góp vốn           | 10.300.000.000            | -                     | -                                 | 10.300.000.000         |
| Lợi nhuận trong năm nay                | -                         | -                     | 5.478.047.355                     | 5.478.047.355          |
| Trích lập các quỹ                      | -                         | 400.000.000           | (800.000.000)                     | (400.000.000)          |
| Chia cổ tức từ lợi nhuận các năm trước | -                         | -                     | (3.000.000.000)                   | (3.000.000.000)        |
| <b>Số dư cuối năm nay</b>              | <b>100.000.000.000</b>    | <b>400.000.000</b>    | <b>6.015.552.468</b>              | <b>106.415.552.468</b> |

Đại hội đồng Cổ đông Bất thường lần 1 ngày 15 tháng 8 năm 2017 đã thông qua phương án phát hành Cổ phiếu cho Cổ đông hiện hữu. Cụ thể số cổ phiếu được phát hành thêm là 7.300.000 Cổ phiếu, tương ứng với số vốn tăng thêm là 73.000.000.000 VND. Đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2017, Các cổ đông đã góp đủ vốn theo cam kết. Số vốn tăng thêm đã được sử dụng như sau:

|   |                       |
|---|-----------------------|
| Đầu tư vào Công ty Con  | 24.000.000.000        |
| Góp vốn hợp tác kinh doanh với Công ty TNHH Tư vấn sản xuất Giấy Hoàng Hà | 20.000.000.000        |
| Bù trừ vay dài hạn các Cổ đông  | 10.300.000.000        |
| Bổ sung vốn lưu động  | 18.700.000.000        |
| <b>Cộng</b>   | <b>73.000.000.000</b> |

# CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY HOÀNG HÀ HÀI PHÒNG

Địa chỉ: Số 194 đường Kiều Hạ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, TP Hải Phòng

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

### Chi tiết vốn góp của Chủ sở hữu

|                        | <u>Số cuối năm</u>            | <u>Số đầu năm</u>            |
|------------------------|-------------------------------|------------------------------|
| Ông Trần Kim Gia       | 16.200.000.000                | 8.100.000.000                |
| Bà Trần Thị Thu Phương | 21.600.000.000                | 10.800.000.000               |
| Ông Nguyễn Huy Long    | 10.800.000.000                | 5.400.000.000                |
| Bà Vũ Thị Hằng         | 19.000.000.000                | -                            |
| Ông Võ Quốc Thắng      | 15.000.000.000                | -                            |
| Bà Nguyễn Thị Hương    | 12.000.000.000                | -                            |
| Các cổ đông khác       | 5.400.000.000                 | 2.700.000.000                |
| <b>Cộng</b>            | <b><u>100.000.000.000</u></b> | <b><u>27.000.000.000</u></b> |

### Cổ phiếu

|   | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---|--------------------|-------------------|
| Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành         | 10.000.000         | 2.700.000         |
| Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng      | 10.000.000         | 2.700.000         |
| - Cổ phiếu phổ thông                        | 10.000.000         | 2.700.000         |
| Số lượng cổ phiếu được mua lại              | -                  | -                 |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành             | 10.000.000         | 2.700.000         |
| - Cổ phiếu phổ thông                        | 10.000.000         | 2.700.000         |
| Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND |                    |                   |

### 17. Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán A, Ngoại tệ các loại

|                 | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|-----------------|--------------------|-------------------|
| Dollar Mỹ (USD) | 0,45               | 0,45              |

## VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

### 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

|                          | <u>Năm nay</u>                | <u>Năm trước</u>              |
|--------------------------|-------------------------------|-------------------------------|
| Doanh thu bán hàng hóa   | 30.865.936.550                | 13.386.838.800                |
| Doanh thu bán thành phẩm | 91.926.211.556                | 94.439.714.574                |
| Doanh thu khác           | 1.801.931.714                 | 1.862.530.375                 |
| <b>Cộng</b>              | <b><u>124.594.079.820</u></b> | <b><u>109.689.083.749</u></b> |

### Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

|  | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|--|----------------|------------------|
| Công ty Cổ phần Giấy Hoàng Hà Hà Nam       | -              | 982.628.275      |
| Công ty Cổ phần Bao Bì Phương Bắc          | 4.960.651.200  | 4.011.294.538    |
| Công ty TNHH tư vấn sản xuất giấy Hoàng Hà | 5.691.676.550  | -                |



## CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY HOÀNG HÀ HẢI PHÒNG

Địa chỉ: Số 194 đường Kiều Hạ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, TP Hải Phòng

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

#### 2. Các khoản giảm trừ doanh thu

|                     | <u>Năm nay</u>          | <u>Năm trước</u> |
|---------------------|-------------------------|------------------|
| Hàng bán bị trả lại | 3.692.100               | -                |
| <b>Cộng</b>         | <b><u>3.692.100</u></b> | <b><u>-</u></b>  |

#### 3. Giá vốn hàng bán

|                               | <u>Năm nay</u>                | <u>Năm trước</u>              |
|-------------------------------|-------------------------------|-------------------------------|
| Giá vốn của hàng hóa đã bán   | 30.090.509.116                | 13.998.333.724                |
| Giá vốn của thành phẩm đã bán | 78.526.486.535                | 85.551.731.415                |
| Giá vốn khác                  | 1.081.931.714                 | 1.347.026.667                 |
| <b>Cộng</b>                   | <b><u>109.698.927.365</u></b> | <b><u>100.897.091.806</u></b> |

#### 4. Doanh thu hoạt động tài chính

|                                 | <u>Năm nay</u>          | <u>Năm trước</u>         |
|---------------------------------|-------------------------|--------------------------|
| Lãi tiền gửi không kỳ hạn       | 2.885.024               | 7.112.555                |
| Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh | -                       | 269.376                  |
| Lãi từ hợp tác kinh doanh       | -                       | 87.508.155               |
| <b>Cộng</b>                     | <b><u>2.885.024</u></b> | <b><u>94.890.086</u></b> |

#### 5. Chi phí tài chính

|                                | <u>Năm nay</u>              | <u>Năm trước</u>            |
|--------------------------------|-----------------------------|-----------------------------|
| Chi phí lãi vay                | 5.627.135.223               | 6.457.760.666               |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh | -                           | 20.879.144                  |
| Chi phí khác                   | -                           | 2.744.719                   |
| <b>Cộng</b>                    | <b><u>5.627.135.223</u></b> | <b><u>6.481.384.529</u></b> |

#### 6. Chi phí bán hàng

|                                  | <u>Năm nay</u>              | <u>Năm trước</u>            |
|----------------------------------|-----------------------------|-----------------------------|
| Chi phí cho nhân viên            | 433.522.567                 | 451.404.021                 |
| Chi phí dụng cụ, đồ dùng         | 8.988.636                   | 34.622.588                  |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 552.045.000                 | 421.720.410                 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài        | 675.265.063                 | 639.267.194                 |
| <b>Cộng</b>                      | <b><u>1.669.821.266</u></b> | <b><u>1.547.014.213</u></b> |

**CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY HOÀNG HÀ HẢI PHÒNG**

Địa chỉ: Số 194 đường Kiều Hạ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, TP Hải Phòng

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)****7. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

|                                  | <u>Năm nay</u>            | <u>Năm trước</u>          |
|----------------------------------|---------------------------|---------------------------|
| Chi phí cho nhân viên            | 301.632.785               | 267.722.209               |
| Chi phí đồ dùng văn phòng        | 9.639.401                 | 65.825.990                |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 169.506.132               | 152.230.548               |
| Thuế, phí và lệ phí              | 40.522.857                | 183.102.744               |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài        | 192.138.717               | 74.521.357                |
| <b>Cộng</b>                      | <b><u>713.439.892</u></b> | <b><u>743.402.848</u></b> |

**8. Thu nhập khác**

|   | <u>Năm nay</u>           | <u>Năm trước</u>            |
|---|--------------------------|-----------------------------|
| Hỗ trợ thân thiện môi trường từ Quỹ Tín dụng Xanh | -                        | 1.840.305.260               |
| Tặng HTK do hạch toán nhầm năm 2015               | -                        | 648.958.320                 |
| Tiền bồi thường hàng hư hỏng                      | -                        | 42.778.498                  |
| Điều chỉnh công nợ                                | 25.499.902               | -                           |
| Thu nhập khác                                     | 20.000                   | -                           |
| <b>Cộng</b>                                       | <b><u>25.519.902</u></b> | <b><u>2.532.042.078</u></b> |

**9. Chi phí khác**

|                              | <u>Năm nay</u>           | <u>Năm trước</u>         |
|------------------------------|--------------------------|--------------------------|
| Tiền truy thu, chậm nộp thuế | 49.517.186               | 56.145.220               |
| Lãi chậm nộp bảo hiểm        | 10.579                   | -                        |
| <b>Cộng</b>                  | <b><u>49.527.765</u></b> | <b><u>56.145.220</u></b> |

**10. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

|  | <u>Năm nay</u>              | <u>Năm trước</u>          |
|--|-----------------------------|---------------------------|
| Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế  | 6.859.941.135               | 2.590.977.297             |
| Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp: | 49.527.765                  | (680.321.255)             |
| - Các khoản điều chỉnh tăng  | 49.527.765                  | 92.144.048                |
| <i>Phạt chậm nộp, truy thu thuế</i>  | 49.517.186                  | 92.144.048                |
| <i>Lãi chậm nộp bảo hiểm</i>   | 10.579                      | -                         |
| - Các khoản điều chỉnh giảm  | -                           | (772.465.303)             |
| <i>Lãi thu từ hợp tác kinh doanh</i>   | -                           | (87.508.155)              |
| <i>Tặng HTK do hạch toán nhầm năm 2015</i>   | -                           | (684.957.148)             |
| Thu nhập chịu thuế   | 6.909.468.900               | 1.910.656.042             |
| Thu nhập tính thuế   | 6.909.468.900               | 1.910.656.042             |
| Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp   | 20%                         | 20%                       |
| <b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp</b>   | <b><u>1.381.893.780</u></b> | <b><u>382.131.208</u></b> |
| <i>Điều chỉnh thuế TNDN phải nộp của các năm trước</i>   | -                           | 150.515.326               |
| <b>Tổng Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp</b>  | <b><u>1.381.893.780</u></b> | <b><u>532.646.534</u></b> |



## CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY HOÀNG HÀ HẢI PHÒNG

Địa chỉ: Số 194 đường Kiều Hạ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, TP Hải Phòng

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)**

#### 11. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Công ty không tính chỉ tiêu này trên Báo cáo tài chính riêng vì theo quy định tại chuẩn mực kế toán số 30 về “Lãi trên cổ phiếu” yêu cầu trường hợp Công ty phải lập cả Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất thì chỉ phải trình bày thông tin về lãi trên cổ phiếu theo qui định của chuẩn mực này trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

#### 12. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

|                                  | <u>Năm nay</u>               | <u>Năm trước</u>             |
|----------------------------------|------------------------------|------------------------------|
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu    | 56.430.496.457               | 66.832.215.777               |
| Chi phí nhân công                | 5.417.006.542                | 6.619.484.396                |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 7.784.619.532                | 6.907.960.041                |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài        | 10.914.892.587               | 17.456.481.695               |
| Chi phí khác                     | 308.086.951                  | 538.521.100                  |
| <b>Cộng</b>                      | <b><u>80.855.102.069</u></b> | <b><u>98.354.663.009</u></b> |

### VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

#### 1. Các giao dịch không bằng tiền

Trong năm công ty phát sinh các giao dịch không bằng tiền như sau:

|                              | <u>Năm nay</u>               | <u>Năm trước</u>            |
|------------------------------|------------------------------|-----------------------------|
| Chuyển tiền vay sang góp vốn | 10.300.000.000               | 9.000.000.000               |
| <b>Cộng</b>                  | <b><u>10.300.000.000</u></b> | <b><u>9.000.000.000</u></b> |

### VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

#### 1. Giao dịch với các bên liên quan

**Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan**

Danh sách các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

| STT | Họ và tên              | Quan hệ   |
|-----|------------------------|---|
| 1   | Ông Trần Kim Gia       | Chủ tịch HĐQT                                   |
| 2   | Bà Trần Thị Thu Phương | Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc                  |
| 3   | Ông Nguyễn Trung Thành | Thành viên HĐQT                                 |
| 4   | Bà Nguyễn Thị Ngân     | Thành viên HĐQT                                 |
| 5   | Ông Nguyễn Huy Long    | Thành viên HĐQT                                 |
| 6   | Ông Nguyễn Vinh Quang  | Phó Tổng Giám đốc                               |
| 7   | Trần Quốc Khánh        | Cổ đông góp vốn, em trai bà Trần Thị Thu Phương |
| 8   | Trần Anh Giang         | Cổ đông góp vốn                                 |
| 9   | Vũ Thị Hằng            | Cổ đông lớn                                     |
| 10  | Nguyễn Thị Hường       | Cổ đông lớn                                     |
| 11  | Võ Quốc Thắng          | Cổ đông lớn                                     |

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt trong năm như sau:

|                                | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|--------------------------------|----------------|------------------|
| Thu nhập từ Tiền lương, thưởng | 366.100.239    | 215.760.000      |
| Thu nhập từ tiền Cổ tức        | 3.000.000.000  | -                |

**CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY HOÀNG HÀ HẢI PHÒNG**

Địa chỉ: Số 194 đường Kiều Hạ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, TP Hải Phòng

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

|   | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|---|----------------|------------------|
| <b>Các thành viên Hội đồng quản trị</b> |                |                  |
| <b><i>Ông Trần Kim Gia</i></b>          |                |                  |
| Góp vốn bằng tiền cho vay               | 3.300.000.000  | 2.700.000.000    |
| Góp vốn bằng tiền gửi ngân hàng         | 4.800.000.000  | -                |
| Trả tiền vay dài hạn                    | -              | 500.000.000      |
| Vay ngắn hạn                            | -              | 6.100.000.000    |
| Trả tiền vay ngắn hạn                   | -              | 6.100.000.000    |
| Chi tiền cổ tức                         | 900.000.000    |                  |
| Thu thuế TNCN tiền cổ tức đã trả        | 45.000.000     |                  |
| <b><i>Bà Trần Thị Thu Phương</i></b>    |                |                  |
| Góp vốn bằng tiền cho vay               | 4.400.000.000  | 3.600.000.000    |
| Góp vốn bằng tiền gửi ngân hàng         | 6.400.000.000  | -                |
| Trả tiền vay dài hạn                    | -              | 500.000.000      |
| Vay ngắn hạn                            | -              | 3.950.000.000    |
| Trả tiền vay ngắn hạn                   | -              | 3.950.000.000    |
| Chi tiền cổ tức                         | 1.200.000.000  |                  |
| Thu thuế TNCN tiền cổ tức đã trả        | 60.000.000     |                  |
| <b><i>Ông Nguyễn Huy Long</i></b>       |                |                  |
| Góp vốn bằng tiền cho vay               | 2.300.000.000  | 1.800.000.000    |
| Góp vốn bằng tiền gửi ngân hàng         | 3.100.000.000  | -                |
| Trả tiền vay                            | -              | 500.000.000      |
| Chi tiền cổ tức                         | 600.000.000    | -                |
| Thu thuế TNCN tiền cổ tức đã trả        | 30.000.000     | -                |
| <b>Các Cổ đông</b>                      |                |                  |
| <b><i>Ông Trần Quốc Khánh</i></b>       | -              |                  |
| Góp vốn bằng tiền cho vay               | 150.000.000    | 450.000.000      |
| Góp vốn bằng tiền gửi ngân hàng         | 1.200.000.000  | -                |
| Chi tiền cổ tức                         | 150.000.000    | -                |
| Thu thuế TNCN tiền cổ tức đã trả        | 7.500.000      | -                |
| <b><i>Ông Trần Anh Giang</i></b>        |                |                  |
| Góp vốn bằng tiền cho vay               | 150.000.000    | 450.000.000      |
| Góp vốn bằng tiền gửi ngân hàng         | 1.200.000.000  | -                |
| Chi tiền cổ tức                         | 150.000.000    | -                |
| Thu thuế TNCN tiền cổ tức đã trả        | 7.500.000      | -                |
| <b><i>Bà Vũ Thị Hằng</i></b>            |                |                  |
| Góp vốn bằng tiền gửi ngân hàng         | 19.000.000.000 | -                |
| <b><i>Bà Nguyễn Thị Hương</i></b>       |                |                  |
| Góp vốn bằng tiền gửi ngân hàng         | 12.000.000.000 | -                |
| <b><i>Ông Võ Quốc Thắng</i></b>         |                |                  |
| Góp vốn bằng tiền gửi ngân hàng         | 15.000.000.000 | -                |

Một số tài sản thuộc sở hữu của các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan đang được sử dụng để thế chấp cho các khoản vay của ngân hàng, chi tiết xem Thuyết minh số V.15



# CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY HOÀNG HÀ HẢI PHÒNG

Địa chỉ: Số 194 đường Kiều Hạ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, TP Hải Phòng

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

### Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

#### Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

| <u>Bên liên quan</u>                       | <u>Mối quan hệ</u>  |
|--|---|
| Công ty Cổ phần Giấy Hoàng Hà Hà Nam       | Công ty con   |
| Công ty Cổ phần Bao Bì Phương Bắc          | Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần giấy Hoàng Hà Hải Phòng là Giám đốc và Cổ đông lớn của Công ty Cổ phần Bao Bì Phương Bắc. |
| Công ty TNHH Tư vấn Sản xuất Giấy Hoàng Hà | Ông Trần Kim Gia là người đại diện theo pháp luật cũ của Công ty TNHH Tư vấn Sản xuất giấy Hoàng Hà (*)                   |

(\*) Trong Quý III/2017 ông Trần Kim Gia đã chuyển nhượng toàn bộ Cổ phần của mình tại Công ty TNHH Tư vấn Sản xuất Giấy Hoàng Hà cho Cổ đông khác. Ngày 29 tháng 12 năm 2017, Công ty TNHH Tư vấn Sản xuất giấy Hoàng Hà đã thực hiện thay đổi người đại diện theo pháp luật theo đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 03. Theo đó, Ông Trần Kim Gia không còn là người đại diện theo Pháp luật của Công ty. Như vậy, tại thời điểm 31/12/2017, Công ty TNHH Tư vấn Sản xuất giấy Hoàng Hà không còn là bên liên quan của Công ty.

Các nghiệp vụ chính phát sinh trong năm giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

|  | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|--|----------------|------------------|
| <b>Công ty Cổ phần Giấy Hoàng Hà Hà Nam</b>                |                |                  |
| Phải thu tiền bán hàng                                     | -              | 1.080.891.103    |
| + Giá trị chưa thuế  | -              | 982.628.275      |
| + Thuế GTGT đầu ra   | -              | 98.262.828       |
| Hàng gửi bán   | -              | 895.668.240      |
| Thu tiền bán hàng năm trước                                | 1.080.891.103  | 1.000.000.000    |
| Phải trả tiền hàng bán hộ                                  | 1.897.723.190  | -                |
| Phải trả tiền mua hàng                                     | 20.463.045.955 | 16.700.221.340   |
| + Giá trị chưa thuế  | 18.602.769.050 | 15.182.019.400   |
| + Thuế GTGT đầu vào  | 1.860.276.905  | 1.518.201.940    |
| Trả tiền mua hàng  | 20.520.197.825 | 13.772.438.615   |
| Chuyển tiền góp vốn  | 24.000.000.000 | -                |
| <b>Công ty Cổ phần Bao Bì Phương Bắc</b>                   |                |                  |
| Hàng gửi bán   | -              | 2.287.610.160    |
| Phải thu tiền bán hàng                                     | 5.456.716.320  | 3.821.942.960    |
| + Giá trị chưa thuế  | 4.960.651.200  | 3.474.493.600    |
| + Thuế GTGT đầu ra   | 496.065.120    | 347.449.360      |
| Thu tiền hàng  | 2.304.591.630  | 3.876.083.110    |
| Phải trả tiền mua hàng                                     | 3.067.772.950  | -                |
| + Giá trị chưa thuế  | 2.788.884.500  | -                |
| + Thuế GTGT đầu vào  | 278.888.450    | -                |
| Bù trừ công nợ phải thu - phải trả                         | 3.310.587.830  | 679.944.210      |
| Phải thu tiền điện và bảo vệ                               | 722.845.503    | 590.481.031      |
| + Giá trị chưa thuế  | 657.132.280    | 536.800.938      |
| + Thuế GTGT đầu ra   | 65.713.223     | 53.680.093       |
| Phải thu tiền khấu hao nhà xưởng, máy móc thiết bị theo HĐ | -              | -                |
| hợp tác kinh doanh   | 792.000.000    | 660.000.000      |
| + Giá trị chưa thuế  | 720.000.000    | 600.000.000      |
| + Thuế GTGT đầu ra   | 72.000.000     | 60.000.000       |
| Phải thu tiền lãi hợp tác kinh doanh                       | -              | 87.508.155       |
| Thu tiền điện và bảo vệ                                    | 779.328.077    | 577.969.328      |



# CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY HOÀNG HÀ HẢI PHÒNG

Địa chỉ: Số 194 đường Kiều Hạ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, TP Hải Phòng

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

|   | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|---|----------------|------------------|
| Thu tiền khấu hao                                 | 1.440.000.000  |                  |
| Tiền thuế GTGT khấu hao đã thu                    | 64.000.000     | -                |
| <b>Công ty TNHH Tư vấn Sản xuất Giấy Hoàng Hà</b> |                |                  |
| Hàng gửi bán                                      | -              | 4.322.379.925    |
| Phải thu tiền bán hàng                            | 6.260.844.205  | -                |
| + Giá trị chưa thuế                               | 5.691.676.550  | -                |
| + Thuế GTGT đầu ra                                | 569.167.655    | -                |
| Thu tiền bán hàng                                 | 1.228.000.000  | 4.414.213.760    |
| Phải trả tiền mua hàng                            | 12.088.074.680 | 2.123.463.210    |
| + Giá trị chưa thuế                               | 10.989.158.800 | 1.930.421.100    |
| + Thuế GTGT đầu vào                               | 1.098.915.880  | 193.042.110      |
| Trả tiền mua hàng                                 | 10.205.457.325 | 2.434.141.600    |
| Chuyển tiền hợp tác kinh doanh                    | 20.000.000.000 |                  |

Giá hàng hóa và dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan là giá thị trường. Việc mua hàng hóa và dịch vụ từ các bên liên quan được thực hiện theo giá thị trường.

Các khoản công nợ phải thu không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu từ các bên liên quan. Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các bên liên quan được trình bày tại thuyết minh V.2; V.4; V.7; V.11a; V.11b; V.14; V.15b.

### 2. Thông tin về bộ phận

Công ty hoạt động trong lĩnh vực là sản xuất và kinh doanh sản phẩm giấy kraft sóng và các sản phẩm liên quan và chỉ hoạt động trong lãnh thổ Việt Nam.

### 3. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

|                                    | <u>Giá trị sổ sách</u>       |                               | <u>Giá trị hợp lý</u>        |                               |
|------------------------------------|------------------------------|-------------------------------|------------------------------|-------------------------------|
|                                    | <u>Số cuối năm</u>           | <u>Số đầu năm</u>             | <u>Số cuối năm</u>           | <u>Số đầu năm</u>             |
| <b>Tài sản tài chính</b>           |                              |                               |                              |                               |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 1.587.295.596                | 1.091.121.862                 | 1.587.295.596                | 1.091.121.862                 |
| Phải thu khách hàng                | 31.596.143.517               | 25.457.316.656                | 31.596.143.517               | 25.457.316.656                |
| Các khoản phải thu khác            | 43.611.680.850               | 15.801.720.835                | 43.611.680.850               | 15.801.720.835                |
| <b>Cộng</b>                        | <b><u>76.795.119.963</u></b> | <b><u>42.350.159.353</u></b>  | <b><u>76.795.119.963</u></b> | <b><u>42.350.159.353</u></b>  |
| <b>Nợ phải trả tài chính</b>       |                              |                               |                              |                               |
| Vay và nợ                          | 65.379.430.446               | 80.607.435.090                | 65.379.430.446               | 80.607.435.090                |
| Phải trả người bán                 | 16.177.947.239               | 18.209.655.447                | 16.177.947.239               | 18.209.655.447                |
| Các khoản phải trả khác            | 6.351.249.815                | 5.050.000.000                 | 6.351.249.815                | 5.050.000.000                 |
| <b>Cộng</b>                        | <b><u>87.908.627.500</u></b> | <b><u>103.867.090.537</u></b> | <b><u>87.908.627.500</u></b> | <b><u>103.867.090.537</u></b> |

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.



## **CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY HOÀNG HÀ HẢI PHÒNG**

Địa chỉ: Số 194 đường Kiều Hạ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, TP Hải Phòng

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, cho vay, các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán và các khoản phải trả khác ngắn hạn tương đương giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi được) của các khoản mục này do có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các khoản cho vay, phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán và các khoản phải trả khác dài hạn, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán và không có giá giao dịch do 3 công ty chứng khoán công bố được ước tính bằng cách chiết khấu dòng tiền với lãi suất áp dụng cho các khoản nợ có đặc điểm và thời gian đáo hạn còn lại tương tự.

#### **4. Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

##### ***Phải thu khách hàng***

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu mở thư tín dụng đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

##### ***Tiền gửi ngân hàng***

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

#### **5. Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

# CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY HOÀNG HÀ HẢI PHÒNG

Địa chỉ: Số 194 đường Kiều Hạ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, TP Hải Phòng

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

|                         | <u>Từ 1 năm trở xuống</u> | <u>Trên 1 năm đến 5 năm</u> | <u>Trên 5 năm</u> | <u>Cộng</u>            |
|-------------------------|---------------------------|-----------------------------|-------------------|------------------------|
| <b>Số cuối năm</b>      |                           |                             |                   |                        |
| Vay và nợ               | 55.089.747.447            | 10.289.682.999              | -                 |                        |
| Phải trả người bán      | 16.177.947.239            |                             | -                 | 16.177.947.239         |
| Các khoản phải trả khác | 1.301.249.815             | 5.050.000.000               | -                 | 6.351.249.815          |
| <b>Cộng</b>             | <b>72.568.944.501</b>     | <b>15.339.682.999</b>       | <b>-</b>          | <b>87.908.627.500</b>  |
| <b>Số đầu năm</b>       |                           |                             |                   |                        |
| Vay và nợ               | 55.313.626.090            | 25.293.809.000              | -                 | 80.607.435.090         |
| Phải trả người bán      | 12.751.710.012            | 5.457.945.435               | -                 | 18.209.655.447         |
| Các khoản phải trả khác | -                         | 5.050.000.000               | -                 | 5.050.000.000          |
| <b>Cộng</b>             | <b>68.065.336.102</b>     | <b>35.801.754.435</b>       | <b>-</b>          | <b>103.867.090.537</b> |

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

### 6. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Các phân tích về độ nhạy trình bày dưới đây được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi.

#### *Rủi ro ngoại tệ*

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

#### *Rủi ro lãi suất*

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền và các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

#### *Rủi ro về giá khác*

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.



## CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY HOÀNG HÀ HẢI PHÒNG

Địa chỉ: Số 194 đường Kiều Hạ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, TP Hải Phòng

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

#### 7. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt.

Lập ngày 26 tháng 3 năm 2018

**Người lập biểu**

**Kế toán trưởng**

**Tổng Giám đốc**



Nguyễn Thị Hương

Trịnh Thị Hương

Trần Thị Thu Phương

